

Số: /QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (nay thôn 10, xã Sông Hinh, tỉnh Đắk Lắk) của Doanh nghiệp tư nhân Lý Tấn Phát

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025, Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16/6/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ đầu tư tại Công văn số 01/GT-LTP ngày 8/3/2026, số 02/GT-TLP ngày 30/3/2026 và hồ sơ kèm theo.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 282/TTr-SNNMT ngày 08/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên (nay thôn 10, xã Sông Hinh, tỉnh Đắk Lắk) (sau đây gọi là Dự án) của Doanh nghiệp tư

nhân Lý Tấn Phát (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - CT và các PCT UBND tỉnh;
 - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
 - Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
 - Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
 - Trung tâm CN và Công thông tin điện tử tỉnh;
 - Quỹ Bảo vệ, phát triển rừng và môi trường tỉnh;
 - UBND xã Sông Hình;
 - DNTN Lý Tấn Phát;
- (Đ/c: Thôn 10, xã Sông Hình, tỉnh Đắk Lắk)*
- Lưu: VT, NNMT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN ĐÁ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI KHU PHỐ 10, THỊ TRẤN HAI RIÊNG, HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN (NAY LÀ THÔN 10, XÃ SÔNG HÌNH, TỈNH ĐẮK LẮK).

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án:

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên (nay thôn 10, xã Sông Hình, tỉnh Đắk Lắk).

- Địa điểm thực hiện dự án: Khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên (nay thôn 10, xã Sông Hình, tỉnh Đắk Lắk).

- Chủ đầu tư: Doanh nghiệp tư nhân Lý Tấn Phát.

- Dự án Khai thác và chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu phố 10, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên (nay thôn 10, xã Sông Hình, tỉnh Đắk Lắk) được UBND tỉnh Đắk Lắk chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 02079/QĐ-UBND ngày 17/11/2025.

1.2. Quy mô dự án

a) Diện tích đất sử dụng: Tổng diện tích 8,538 ha (diện tích khu khai thác khoảng 7,417 ha, diện tích khu chế biến khoảng 1,121 ha). Ranh giới khu vực khai thác được giới hạn bởi các điểm khép góc như sau:

- Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu vực dự án Khu khai thác:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 108 ⁰ 30' múi chiếu 3 ⁰	
	X(m)	Y(m)
1	1436.757	539.056
2	1436.743	539.170
3	1436.763	539.500
4	1436.602	539.511
5	1436.586	539.018
Diện tích: 7,417 ha		

- Tọa độ các điểm mốc ranh giới khu chế biến:

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 108 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)
1	1436.980	539.514
2	1436.974	539.647
3	1436.887	539.639
4	1436.901	539.504
Diện tích: 1,121 ha		

b) Quy mô đầu tư:

- Trữ lượng khoáng sản được đưa vào thiết kế khai thác: Khoáng sản chính (Đá VLXD thông thường): 1.005.001 m³; Khoáng sản đi kèm (đất): 252.873 m³.

- Công suất khai thác: Đầu tư khai thác đất san lấp với công suất khai thác 40.000 m³ nguyên khai/năm; khai thác đá VLXD thông thường: 100.000 m³ nguyên khai/năm và công suất chế biến đá 95.000 m³ thành phẩm/năm.

- Thời gian khai thác: 12 năm 6 tháng.

- Loại hình dự án: Khai thác khoáng sản.

- Sản phẩm của dự án: Đá VLXD thông thường (đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6; đá 0,5x1, đá mi, cấp phối đá dăm các loại và đất san lấp).

1.3. Công nghệ sản xuất

- Công nghệ khai thác: Công nghệ khai thác dự án là khai thác mỏ lộ thiên, có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp để tách những tầng đá có kích thước lớn, cụ thể như sau:

+ Thiết bị khai thác đá → Bóc xúc đất tầng phủ → Khoan, nổ mìn → Phá đá cỡ lớn → Gom đồng → Vận chuyển đến khu chế biến.

+ Thiết bị khai thác đất → Xúc bóc đất tầng phủ (đất đá phong hóa làm vật liệu san lấp,..) → Vận chuyển đất → Công trình.

- Công nghệ chế biến đá: Trạm nghiền → Sàng phân loại → Sản phẩm → Công trường.

1.4. Phạm vi

a) Hạng mục công trình chính: Tạo moong khai thác với diện tích khoảng 7,417 ha; lắp đặt 01 dây chuyền nghiền đá công suất 130 tấn/giờ.

b) Hạng mục công trình phụ trợ và bảo vệ môi trường: Xây dựng nhà điều hành, trạm điện; hệ thống giám sát; bãi chứa nguyên liệu và thành phẩm; gia cố tuyến đường nội mỏ có chiều dài khoảng 500 m; gia cố tuyến đường ngoài mỏ có chiều dài khoảng 550m; lắp đặt biển báo giao thông, xây dựng rãnh thoát nước mưa và hố lắng,...

c) Hoạt động của Dự án:

- Hoạt động phát dọn thực bì, bóc lớp đất tầng phủ;
- Dọn dẹp tạo mặt bằng và thi công các hạng mục công trình: Lắp đặt nhà điều hành, hệ thống giám sát; san gạt bãi chứa nguyên liệu và thành phẩm; gia cố tuyến đường nội mỏ và đường ngoài mỏ; lắp đặt biển báo giao thông, xây dựng rãnh thoát nước mưa...
- Khai thác đá VLXD thông thường, đất san lấp và chế biến đá.
- Cải tạo phục hồi môi trường: Trồng cây xanh, tháo dỡ các hạng mục công trình tạm và di dời thiết bị chế biến, trả lại mặt bằng, ...

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 và khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định 48/2026/NĐ-CP.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.

- Xây dựng các hạng mục công trình có khả năng tác động xấu đến môi trường: Lắp đặt nhà điều hành, hệ thống giám sát; san gạt bãi chứa nguyên liệu và thành phẩm; gia cố tuyến đường nội mỏ và đường ngoài mỏ; lắp đặt biển báo giao thông, xây dựng rãnh thoát nước mưa...sẽ phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn và nước thải sinh hoạt.

- Hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường: Hoạt động đào, bóc xúc, san ủi:

+ Các hoạt động khai thác và đóng cửa mỏ: Tiếng ồn, khí thải phương tiện khai thác, vận chuyển, bụi phát sinh từ hoạt động đào đắp, bóc xúc, san gạt, chế biến, vận chuyển đất tầng phủ; bụi khí thải từ phương tiện thi công; tháo dỡ các hạng mục công trình (nhà điều hành, trạm cân, trạm nghiền, trụ điện...).

+ Các tác động môi trường chính gồm: Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại, khí thải, bụi...phát sinh từ giai đoạn xây dựng, giai đoạn khai thác, chế biến và đóng cửa mỏ...

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng khoảng 0,8 m³/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất lơ

lũng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng khoảng 1,5 m³/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu là bùn, đất, TSS, dầu mỡ khoáng, Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa giai đoạn xây dựng khoảng 0,2175 m³/s chủ yếu là bùn đất, chất lơ lửng, dầu mỡ bị nước mưa cuốn trôi....

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải từ các hoạt động như thi công tuyến đường, san gạt thảm thực bì, tạo mặt bằng khai thác; lấp đất nhà tạm, bảo vệ, rãnh thoát nước mưa và hố lãg tạm,... Thành phần chủ yếu bụi tổng, CO, NO_x, SO₂. Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, thời gian xảy ra ngắn, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến người dân xung quanh dọc tuyến đường, khu vực dự án.

3.1.2. Chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì, thức ăn thừa, vỏ trái cây....

- Chất thải rắn thông thường:

+ Khối lượng thực bì trong quá trình phát quang khoảng 74,17 m³/toàn đọt;

+ Chất thải rắn xây dựng: Từ hoạt động thi công các hạng mục công trình khu chế biến, chất thải phát sinh chủ yếu đất, đá, bao bì các loại...với khối lượng khoảng 20 kg/toàn đọt.

- Chất thải nguy hại: Khối lượng phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 5 kg/toàn đọt. Thành phần chủ yếu giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt, cặn dầu nhớt...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công, xây dựng

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị giai đoạn thi công xây dựng.

3.2. Giai đoạn khai thác và cải tạo, phục hồi môi trường

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn khai thác khoảng 1,84 m³/ngày. Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn phục hồi môi trường khoảng 0,32 m³/ngày. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD/COD), các hợp chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh vật.

- Nước thải sản xuất: Nước vệ sinh xe trong giai đoạn khai thác khoảng 3,5 m³/ngày. Thành phần nước thải chủ yếu là bùn, đất, TSS, dầu mỡ khoáng, Coliforms.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng nước mưa giai đoạn khai thác khoảng 0,2175 m³/s; chủ yếu là bùn đất, chất lơ lửng, dầu mỡ bị nước mưa cuốn trôi....

b) Nguồn phát sinh, tính chất của bụi, khí thải: Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động đào bóc xúc đất, vận chuyển đất đá; chế biến đá; hoạt động cải tạo sườn tầng, gia cố bờ moong khai thác, san ủi đất tầng phủ moong khai thác, tháo dỡ và di dời các hạng mục công trình...Thành phần chủ yếu: Bụi tổng, CO, NO_x, SO₂, ... Quy mô và tính chất bụi và khí thải phát sinh có tính cục bộ, bụi hạt lớn sẽ lắng đọng, phát tán trong phạm vi khai thác, bụi nhỏ sẽ ảnh hưởng đến khu vực xung quanh dự án và dọc tuyến đường vận chuyển,...

3.2.2. Chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn sinh hoạt: Khối lượng phát sinh trong giai đoạn khai thác khoảng 11,5 kg/ngày, khối lượng phát sinh trong giai đoạn phục hồi môi trường khoảng 2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu bao bì, thức ăn thừa, vỏ trái cây....

- Chất thải rắn thông thường:

+ Giai đoạn khai thác: Đất bóc tầng phủ, với khối lượng 40.000 m³ nguyên khai/năm. Lượng đất này sẽ vận chuyển phục vụ các công trình trên địa bàn tỉnh. Trong đó để lại 37.091 m³ để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường.

+ Giai đoạn đóng cửa mỏ: Chủ yếu tháo dỡ các hạng mục công trình (nhà bảo vệ, trạm nghiên, trụ điện...)

- Chất thải rắn nguy hại: Khối lượng phát sinh tại dự án trong giai đoạn khai thác khoảng 0,5 kg/tháng. Thành phần chủ yếu giẻ lau, bao tay nhiễm dầu nhớt,...

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động khai thác và cải tạo phục hồi môi trường:

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động phương tiện thi công, vận chuyển ra vào dự án, các thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác, chế biến và cải tạo phục hồi môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.2.4. Các tác động khác:

- Quá trình khai thác và chế biến của dự án sẽ gia tăng mật độ phương tiện giao thông trên tuyến đường vận chuyển làm hư hỏng tuyến đường giao thông, gia tăng nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông, gây sạt lở...Chủ đầu tư phải phối hợp, quản lý chặt chẽ với chính quyền địa phương trong việc quản lý, giám sát khắc phục, sửa chữa kịp thời;

- Sự cố về an toàn lao động có thể xảy ra nếu công nhân không trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, không tuân thủ các quy định về an toàn lao động theo quy định;

- Quá trình vận chuyển đất, đá từ khu vực khai thác, chế biến đến công trình, nếu không phân luồng sẽ ảnh hưởng đến an toàn giao thông của người dân qua lại trên đường vận chuyển;

- Hiện tượng sạt lở bờ moong khai thác có thể xảy ra nếu không đảm bảo góc dốc bờ moong khai thác, chiều cao tầng khai thác và không đảm bảo các yếu tố kỹ thuật của thiết bị khai thác và yếu tố an toàn bảo vệ mỏ theo quy định;

- Nước mưa chảy tràn nếu không thu gom có thể gây sạt lở cuốn trôi bùn đất ra khu vực xung quanh ảnh hưởng đến canh tác của người dân; sạt lở, sụt lún gây hư hỏng đường giao thông, tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Biện pháp thu gom nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn xây dựng: công nhân sẽ sử dụng nhà vệ sinh hiện có tại khu vực chế biến của Dự án.

+ Giai đoạn khai thác: Nước thải sinh hoạt sẽ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại, khi đầy sẽ thuê đơn vị có chức năng để hút. Sau khi kết thúc dự án sẽ được tháo dỡ, xử lý theo quy định.

- Biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn: Nước mưa trong giai đoạn hoạt động:

+ Khu vực khai thác: Trong giai đoạn khai thác, xây dựng rãnh thoát nước mưa với tổng chiều dài khoảng 450m, sâu 1m, rộng 1m và 01 hố lửng có diện tích khoảng 100 m³ (sâu 1m, rộng 5m, dài 20m) nằm ở phía Nam mỏ. Nước mưa sau khi qua hố lửng sẽ thoát ra suối cạnh tự nhiên.

+ Khu vực chế biến: Công ty sẽ tạo các rãnh thoát nước bao quanh khu vực chế biến, theo địa hình dốc tự nhiên, sau đó dẫn vào mương thoát nước chảy về hố lửng trước khi thải ra môi trường.

+ Thường xuyên nạo vét hố lửng định kỳ trước mùa mưa và theo yêu cầu đột xuất để đảm bảo chất thải không cuốn theo nước mưa bồi lắng khu vực hạ lưu. Toàn bộ lượng bùn, đất nạo vét được thu gom và xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh của Dự án phải được thu gom theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và các quy định khác liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn xây dựng: Các xe tải sẽ được phủ kín bằng bạt, không để vật liệu rơi vãi trên suốt tuyến đường vận chuyển; Tại khu vực công trường xây

dựng, tiến hành phun nước khi thi công xây dựng công trình vào mùa khô (tần suất 3 lần /ngày, vào đầu và giữa mỗi ca làm việc), khô hanh vừa hạn chế bụi bay, vừa giảm được bức xạ nhiệt,...; Phun nước giảm bụi tại những khu vực dân cư 2 bên tuyến đường vào dự án.

- Giai đoạn hoạt động:

+ Khai thác đúng theo hồ sơ thiết kế; thực hiện công tác khoan nổ mìn để phá đá theo đúng quy định; phun nước trên đường vận chuyển với tần suất 04 lần/ngày (tùy thuộc vào thời tiết)...

+ Khu vực chế biến: Phun nước vào đá nguyên liệu trước khi nghiền để hạn chế bụi; lắp đặt tôn để giảm thiểu bụi phát tán bụi tại khu vực máy sàng phân loại, khu vực máy nghiền.

+ Tất cả các phương tiện vận chuyển phải tuân theo quy định của pháp luật về kiểm soát giới hạn phát thải cho phép đối với khí thải.

+ Xe vận chuyển phải được phủ bạt kín lên thùng xe nhằm hạn chế bụi đất rơi vãi trên đường. Xe vận chuyển phải tuân thủ khối lượng, trọng tải của xe trong quá trình vận chuyển theo quy định.

+ Theo dõi, giám sát quá trình phát tán bụi, khí thải tại khu vực khai thác, chế biến và các tuyến đường vận chuyển; thường xuyên tưới nước giảm bụi trên tuyến đường vận chuyển, tưới nước giảm bụi thường xuyên; vào những ngày có thời tiết nắng nóng tần suất tưới nước tối thiểu 02 lần/ngày.

+ Vệ sinh phương tiện trước khi ra vào dự án, đảm bảo hạn chế tối đa tình trạng bùn đất bám dính vào bánh xe, gây rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển khi thời tiết có mưa.

+ Lắp đặt các biển báo giới hạn tốc độ và biển báo các tuyến đường vận chuyển để địa phương thuận tiện theo dõi giám sát.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại khu vực khai thác mỏ để giảm thiểu ảnh hưởng của bụi và khí thải tới sức khỏe.

+ Trong quá trình thi công khai thác phải bố trí biển báo hiệu và bố trí người điều khiển giao thông, tuân thủ các quy định chung về an toàn lao động trong khai thác mỏ lộ thiên.

+ Thường xuyên phối hợp với địa phương duy tu, nâng cấp, sửa chữa tuyến đường vận chuyển.

- Công trình thu gom và xử lý bụi, khí thải: không có

Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Quản lý, giám sát, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải phát sinh bởi các hoạt động của Dự án; bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Biện pháp quản lý chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng và khai thác được thu gom sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng: Các loại bao bì, sắt thép được thu gom tái sử dụng hoặc bán phế liệu.

- Chất thải rắn sản xuất:

+ Đất tầng phủ: Lượng đất, đá tầng phủ được vận chuyển để phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh, trong đó chỉ để lại 37.091 m³ dự trữ để phục hồi môi trường và tận dụng để san lấp khu vực trũng thấp.

+ Đối với thực bì: Cây cối được người dân tận dụng; phần còn lại là cây bụi, cỏ dại, các loại cành lá rơi vãi để khô sẽ được chôn lấp khu vực bãi thải để phục vụ cải tạo phục hồi môi trường.

- Chất thải trong giai đoạn đóng cửa mỏ:

+ Sau khi kết thúc dự án, Chủ đầu tư sẽ tháo dỡ các hạng mục công trình, san gạt và tiến hành trồng cây.

+ Đối với các chất thải từ việc tháo dỡ các hạng mục công trình không tái sử dụng được, sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển xử lý đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại được thu gom và lưu chứa tại thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng quản lý, xử lý theo đúng quy định và các quy định khác liên quan; hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Toàn bộ các loại chất thải phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án đảm bảo theo quy định Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP và các quy định khác liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chỉ sử dụng các loại phương tiện thi công đạt kiểm định về an toàn kỹ thuật và môi trường theo quy định.

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, hạn chế vận chuyển, lưu thông trong khu vực có dân cư vào các giờ cao điểm. Tuân thủ các quy định về an toàn giao thông, quy định về tốc độ di chuyển trong khu vực dân cư đông đúc.

- Không sử dụng cùng một lúc trên công trường nhiều máy móc, thiết bị thi công có gây độ ồn lớn để tránh tác động cộng hưởng của tiếng ồn.

- Thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện thi công, thay thế các bộ phận truyền động bị hư hỏng, lắp đặt và bảo trì các thiết bị để đảm bảo đạt tiêu chuẩn về độ ồn theo quy định và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt.

4.3.2. Giai đoạn vận hành và cải tạo phục hồi môi trường

- Sử dụng các thiết bị thi công đã đăng kiểm trong quá trình thi công; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

a) Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố do tai nạn lao động:

Phổ biến và thực hiện nghiêm túc các quy định về nội quy an toàn lao động như sau:

- Cấm biển báo nguy hiểm tại những vị trí cần thiết để người và thiết bị ra vào công trường được an toàn. Phân công, tổ chức điều khiển phương tiện giao thông tại Dự án, lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu những khu vực nhạy cảm nhằm đảm bảo an toàn giao thông, an toàn lao động tại công trường. Các phương tiện di chuyển sẽ chấp hành đúng những quy định của cơ quan quản lý địa phương.

- Bố trí hộp y tế dự phòng (thuốc cấp cứu, cứu thương) cho các công nhân lao động tại công trường trong trường hợp khẩn cấp.

- Cung cấp đầy đủ và đúng chủng loại các trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Phòng ngừa sự cố sạt lở, sa bồi:

Để phòng ngừa sự cố sạt lở, sa bồi gây ảnh hưởng khu vực hạ lưu, Chủ đầu tư thực hiện các phương án sau:

- Đảm bảo hệ thống tiêu thoát nước tại các khu vực khai thác, chế biến tránh hiện tượng tắc nghẽn gây ngập úng tại khu vực;

- Trong quá trình khai thác phải thực hiện đúng theo quy trình, trình tự thiết kế, khai thác đã được cơ quan chức năng phê duyệt, đảm bảo chất lượng;

- Tăng cường ổn định vỉa khai thác qua thời gian khai thác theo quy định;

- Theo dõi để kịp thời xử lý nếu xảy ra sạt lở, phối hợp cùng với địa phương để khắc phục sự cố nếu xảy ra.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác:

- Thường xuyên thu dọn chất thải, vật liệu rơi vãi tại công trường thi công; định kỳ nạo vét hệ thống rãnh thoát nước mưa tại công trường thi công, bảo đảm lưu thông, không gây ngập úng cục bộ.

- Tháo dỡ, di dời các hạng mục công trình, thiết bị (lán trại, bãi chứa vật liệu, máy móc thiết bị...) thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; san gạt, sửa chữa tuyến đường đáp ứng yêu cầu, tiến hành trồng cây và hoàn thành các thủ tục đóng cửa mỏ sau đó bàn giao lại cho địa phương để tiếp tục quản lý và sử dụng.

5. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

5.1. Giải pháp cải tạo phục hồi môi trường:

- Cải tạo sườn tầng: Gia cố bờ moong, taluy để đảm bảo an toàn: San gạt, cắt tầng gia cố bờ moong taluy để đảm bảo an toàn với tổng diện tích sườn tầng là 14.170 m², khối lượng cần san gạt 4.251 m³.

- San gạt toàn bộ moong khai thác, khu vực chứa đất tầng phủ để trồng cây, với diện tích 60.000 m², khối lượng cần san gạt 30.000 m³.

- San lấp rãnh thoát nước mưa với khối lượng 450 m³ và hố lửng có khối lượng 100 m³. Tổng khối lượng cần san lấp 550 m³

- Tháo dỡ các hạng mục công trình: Phá dỡ nền nhà điều hành, trạm cân...

- San gạt khu chế biến diện tích 11.210 m², khối lượng cần san gạt 3.363 m³.

- San gạt, gia cố tuyến đường trong mỏ với chiều dài 500 m, khối lượng cần san gạt 1.155 m³.

- San gạt, gia cố tuyến đường ngoài mỏ với chiều dài 550 m, khối lượng cần san gạt 1.125 m³

- Vận chuyển đất từ khu vực lưu giữ, chứa đất tầng phủ từ khu bãi thải đến moong khai thác, với khối lượng cần vận chuyển 37.091 m³,

- Vận chuyển phế thải (tháo dỡ nhà điều hành, tháo dỡ thiết bị nghiền, sàng, trạm điện, tháo dỡ trạm cân,..., phá vỡ bê tông, khối lượng khoảng 58,5 m³.

- Lắp biển báo an toàn giao thông: 04 biển.

- Trồng cây khu vực moong khai thác và khu chế biến, với diện tích 71.210m² (7,121ha).

- Đo vẽ bản đồ và hoàn tất thủ tục đóng cửa mỏ, bàn giao lại cho địa phương quản lý theo quy định.

- Lập phương án đóng cửa mỏ, bàn giao lại cho địa phương quản lý.

5.2. Dự toán kinh phí cải tạo phục hồi môi trường

- Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án: **2.252.640.000** đồng (Hai tỷ hai trăm năm mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Số lần ký quỹ: 12 lần

+ Lần 1, số tiền ký quỹ lần đầu (bằng 20% tổng số tiền ký quỹ): 450.528.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu năm trăm hai mươi tám nghìn đồng*).

+ Số tiền ký quỹ các lần tiếp theo (mỗi năm): 163.830.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng*). Số tiền nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá, Chủ đầu tư phải tính thêm yếu tố trượt giá cho các lần ký quỹ theo đúng quy định.

- Thời điểm ký quỹ: Thực hiện ký quỹ lần đầu trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mở; việc ký quỹ các năm còn lại (lần thứ 2 trở đi) phải thực hiện trước ngày 31/01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận tiền ký quỹ: Quỹ bảo vệ, phát triển rừng và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

6. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

6.1. Giám sát môi trường giai đoạn hoạt động

a) Giám sát chất lượng không khí:

- Thông số quan trắc: Tổng bụi lơ lửng, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.

- Vị trí giám sát: Nhà dân gần khu vực dự án.

- Tần số thu mẫu và phân tích: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

+ QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

c) Giám sát khác (trượt lở moong, sạt lở đất, cháy rừng)

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Vị trí giám sát: Các điểm có nguy cơ cao.

- Nội dung giám sát: Kiểm tra khu vực khai thác đảm bảo mức độ an toàn theo thiết kế, không để xảy ra tình trạng sạt lở đất ra môi trường,...

d) Giám sát nổ mìn

- Thông số giám sát: Độ rung và tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên (khi thực hiện nổ mìn).

6.2. Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường

- Giám sát sự phát triển và chăm sóc cây: giám sát việc trồng và chăm sóc cây xanh theo phương án cải tạo phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định liên quan. Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Giám sát trượt lở moong, sạt lở đất: Thường xuyên kiểm tra các thông số của hệ thống khai thác, đảm bảo theo đúng hồ sơ thiết kế khai thác được duyệt. Trong mùa mưa, thường xuyên kiểm tra việc thoát nước mưa, tránh hiện tượng ngập úng, tạo dòng chảy lớn làm ảnh hưởng đến sản xuất của người dân. Tần suất giám sát: thường xuyên.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các điều kiện có liên quan đến môi trường với các nội dung sau:

7.1. Dự án chỉ được phép triển khai các nội dung, hạng mục công trình sau khi hoàn tất các thủ tục đất đai, môi trường, khoáng sản và các quy định khác có liên quan theo quy định của pháp luật. Thực hiện đúng, đầy đủ theo Quyết định số 02079/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

7.2. Chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình chuẩn bị, triển khai, xây dựng cơ bản, khai thác mỏ và chế biến; tuân thủ nghiêm các quy định của pháp luật hiện hành.

7.3. Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng, thời gian ghi trong Giấy phép khai thác khoáng sản; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn trong khai thác mỏ theo QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

7.4. Kiểm soát nghiêm ngặt nguồn nước thải, không gây ảnh hưởng tiêu cực tới nguồn nước trong khu vực; thường xuyên theo dõi việc thoát nước mưa tại khu vực mỏ khai thác và chế biến nhằm đảm bảo an toàn tránh sạt lở đất trong mùa mưa; nước thải sinh hoạt phải được thu gom, xử lý theo quy định.

7.5. Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung và các loại khí thải, bụi đạt các Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường: QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

7.6. Tuân thủ nghiêm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong quá trình khai thác đất, đá; tăng cường việc theo dõi, giám sát thường xuyên các khu vực khai trường, bãi chứa đất tầng phủ tạm; thực hiện các biện pháp tưới nước, phun sương để giảm thiểu bụi tại khu khai thác, chế biến; tiến hành kè chắn tại các chân bãi chứa vật liệu san lấp, bảo đảm không để xảy ra sạt lở, tràn lấp làm ô nhiễm môi trường.

7.7. Tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại và sinh hoạt phát sinh trong quá trình thực hiện Dự án, đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định.

7.8. Thường xuyên theo dõi, giám sát các khu vực khai trường mỏ, thực hiện các biện pháp kỹ thuật và công trình để kiểm soát các nguồn thải nhằm bảo đảm không để xảy ra ô nhiễm môi trường, số liệu quan trắc phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý Nhà nước kiểm tra; khi phát hiện có dấu hiệu, khả năng xảy ra sự cố, phải dừng ngay các hoạt động khai thác và khẩn trương xử lý, khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

7.9. Tuân thủ các biện pháp phòng và chống sự mất an toàn và môi trường trong khu vực khai thác, chế biến và các tuyến đường vận tải mỏ nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và không làm ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước mặt, hệ sinh thái trong suốt quá trình hoạt động của mỏ và sau khi đóng cửa mỏ; thực hiện nghiêm túc công tác cảnh báo nguy hiểm và các hoạt động có rủi ro cao khác.

7.10. Lập và thực hiện kế hoạch, bổ sung phương án cụ thể, chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng cứu sự cố thiên tai, cháy nổ, sự cố môi trường hàng năm (*trượt lở, sạt lở, sạt lở khu vực khai thác, đường vận chuyển*) nhằm bảo đảm an toàn cho người, thiết bị, các công trình khai thác mỏ và môi trường xung quanh trong quá trình hoạt động khai thác, chế biến và sau khi kết thúc đóng cửa mỏ.

7.11. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương; tổ chức khai thác đất, đá theo đúng quy định của pháp luật và thực hiện nghiêm công tác bảo vệ môi trường, an toàn trong sản xuất; tổ chức gia cố, thu gom và thoát nước mặt chảy tràn, tháo khô mỏ; lập và thực hiện chương trình quản lý và giám sát môi trường đối với các hoạt động vận tải, thoát nước mỏ trong quá trình khai thác và phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác.

7.12. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về tài chính đối với khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hiện hành; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường, khoáng sản, giao thông, phòng chống lụt bão, cháy nổ, rủi ro, sự cố; thực hiện tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường.

7.13. Tuân thủ nghiêm túc công tác cải tạo, phục hồi môi trường theo nội dung đã được phê duyệt.

7.14. Đối với khoảng cách an toàn từ khu vực khai thác, chế biến đến các đối tượng xung quanh đề nghị Công ty thực hiện đúng theo hồ sơ thiết kế khai thác được Sở Xây dựng thẩm định và Giấy phép sử dụng vật liệu nổ của Sở Công Thương cấp phải đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định QCVN 01:2019/BCT và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo trong quá trình hoạt động, không gây ảnh hưởng đến môi trường.

7.15. Đối với việc xây dựng tuyến đường vận chuyển, Chủ đầu tư có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan có chức năng để hoàn thiện đầy đủ các thủ tục có liên quan theo quy định của pháp luật trước khi triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường đảm bảo không gây sạt lở, bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

7.16. Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

7.17. Tháo dỡ tất cả các công trình tạm, vận chuyển các thiết bị máy móc ngay sau khi kết thúc thi công; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng theo quy định, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

7.18. Chịu trách nhiệm về độ chính xác của các thông tin, số liệu, tài liệu cung cấp trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.